TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2021/HSST
Ngày 21- 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà*: *Bà Vũ Thị Hồng Dung*.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Văn Tiền và ông A Nglunh.
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên Toà:* Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Kon Tum**.**
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa*: Ông Ngô Mạnh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 135/2021/HSST, ngày 13 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Việt H. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 18/8/1975. Tại Bình Định. Nơi cư trú: Số N, đường T, phường M, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12. dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Lương K, sinh năm 1937 và bà Đào Thị Minh C, sinh năm 1944; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 8/4/2021 đến ngày 12/5/2021 được toại ngoại đến nay. "Có mặt".

Người bị hại: Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1957.

Nơi cư trú: Số nhà L, đường N, tổ dân phố P, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Số nhà L, đường N, tổ dân phố P, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ N1, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Số M, đường N, phường S, quận R, thành phố Hồ Chí Minh. "Có mặt".

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Số nhà L, đường N, tổ dân phố P, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

Người làm chứng:

Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Số nhà M, đường T, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2018, Trần Việt H (*Sinh năm: 1975; Trú tại: Số N, đường T, phường M, quận P, thành phố Hồ Chí Minh*) là người làm nghề kinh doanh tự do có đến thành phố Kon Tum để tìm hiểu về thị trường ẩm thực và du lịch, H có trú tại khách sạn của ông Nguyễn Hoài N, tại địa chỉ số nhà: Số nhà L, đường N, tổ dân phố P, phường Q, thành phố K. Trong thời gian lưu trú tại đây, H không xuất trình, đăng ký với khách sạn bằng giấy CMND hay giấy tờ tùy thân của lực lượng Công an nhân dân nhưng khi tiếp xúc, giao tiếp với ông N, H tự giới thiệu tên Trần Việt H, là sỹ quan Công an, cấp bậc Thượng tá, công tác ở Cục An ninh kinh tế- Bộ Công an. Sau khi ông N làm quen, thấy H thể hiện có mối quan hệ quen biết rộng rãi với nhiều người nên ông Nguyễn Hoài N có nhờ H liên hệ để xin cho con gái của ông là cháu Nguyễn Thị Thu T *(Sinh năm: 1991- tốt nghiệp Đại học, khoa tài chính, ngân hàng))* được làm việc tại Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Kon Tum. Khi ông N nhiều lần đặt vấn đề nhờ H xin cho cháu T, H nhận lời và đã liên lạc với một người đàn ông T2 không rõ lai lịch, chỉ biết ông T2 tự giới thiệu công tác tại Tổng công ty viễn thông quân đội Viettel ở Hà Nội), việc quen ông T2 thông qua sự giới thiệu trong việc tạo mối quan hệ làm kinh doanh của một người phụ nữ tên Huỳnh Thị Ngọc T3, Giám đốc công ty Jupiter của Nhật Bản tại Thành phố Hồ Chí Minh (Hiện tại bà Thứ đã chết), được ông T2 nhận lời giúp đỡ, H đã nhận lời và nói với ông N để H xin việc cho cháu T và nói dối ông N là H có quen biết với ông Dương Quyết T4- Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội trung ương là bạn học của H, không phải tốn kém nhiều tiền bạc, chỉ quà cáp ơn nghĩa. H không nói với ông N là phải nhờ qua ông T2. Trong khoảng thời gian từ ngày 15/01/2019 đến ngày 15/02/2019, ông N đã trực tiếp đưa tiền trực tiếp cho H 05 lần tại khách sạn Hoàng Thịnh, không viết giấy tờ, tổng cộng là 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*). Cụ thể: Ngày 15/01/2019 H yêu cầu ông N đưa 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) kèm theo đơn xin việc làm, bản sao bằng tốt nghiệp đại học, giấy khám sức khỏe của cháu Nguyễn Thị Thu T để làm hồ sơ tuyển dụng. Số tiền này và hồ sơ xin việc, H khai đã đưa cho ông T2; khoảng 05 ngày sau H yêu cầu ông N đưa thêm 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) với lý do để tiếp ông Nguyễn Văn B – thống đốc Ngân hàng và ông Dương Quyết T4 –

tổng giám đốc ngân hàng chính sách; khoảng 06 ngày sau H yêu cầu ông N đưa thêm 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng)* để nhờ người quen gặp gỡ bà L1 công tác tại Ngân hàng chính sách Trung ương phụ trách khâu phỏng vấn tuyển dụng; khoảng 03 ngày sau H yêu cầu ông N đưa thêm 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) để H đưa cho bà L1 là người của ngân hàng. Sau đó một thời gian H tiếp tục yêu cầu ông N đưa thêm 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) để mua Sâm làm quà biếu ông Dương Quyết T4. Ngoài những lần H yêu cầu ông N đưa tiền để đi quan hệ xin việc cho cháu T thì H còn nhiều lần mượn tiền của ông N để giải quyết việc cá nhân và được ông N đồng ý cho H mượn tiền bằng hình thức đưa trực tiếp cho H tại khách sạn, có lúc trực tiếp chuyển khoản hoặc nhờ người khác chuyển khoản tiền cho H qua tài khoản ngân hàng của H hoặc dịch vụ chuyển tiền của người khác. Tổng cộng số tiền ông N đã cho H mượn là 870.000.000 đồng (*Tám trăm bảy mươi triệu đồng*). Do việc giao tiền để xin việc trước đó cũng như các khoản vay mượn tiền giữa ông N và H khi thực hiện đều không lập giấy tờ. Chờ đợi một thời gian, thấy lâu nhưng không có kết quả xin việc làm cho cháu T nên ông N nhiều lần gọi điện thoại cho H để hỏi thăm thì H đều bịa ra những lý do để trả lời ông N là đang gặp trục trặc nên chưa xin việc được cho T. Vào khoảng cuối tháng 11 năm 2019, Trần Việt H đến khách sạn Hoàng Thịnh gặp ông Nguyễn Hoài N, tại đây, giữa H và ông N đã thống kê lại các khoản tiền mà H đã nhận từ ông N. Trong đó, số tiền H nhận để xin việc cho cháu T là 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng)*, số tiền H mượn riêng ông N để giải quyết việc cá nhân là 870.000.000đồng (*Tám trăm bảy mươi triệu đồng*); tổng cộng hai khoản là 1.060.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng*). H đã ghi và ký tên xác nhận vào tờ giấy do ông N thống kê dòng chữ:*"Trong tháng 1/2020 sẽ thanh toán trước 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).* Sau đó, H quay về thành phố Hồ Chí Minh, một thời gian sau, H không đến gặp và cũng không liên lạc gì với ông N nữa. Ông N có gọi điện thoại cho H nhiền lần để hỏi về số tiền trên nhưng không liên lạc được. Không có thông tin gì về kết quả xin việc làm của cháu T như lời hứa của H với ông N trước đó; ông N cho rằng H đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình, nên làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan CSĐT yêu cầu điều tra làm rõ hành vi lừa đảo của Trần Việt H.

Toàn bộ số tiền H lừa 190.000.000 đồng và số tiền H vay ông N 870.000.000 đồng đã được người thân của H trả đủ và trả thêm 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) tiền lãi của khoản tiền vay 870.000.000 đồng. Ông N không yêu cầu cơ quan pháp luật giải quyết gì về vấn đề dân sự nữa.

Bản cáo trạng số: 25/CT-VKS-P2 ngày 12/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Trần Việt H về tội *"Lừa đảo chiếm tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng cũng như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174,

điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Việt H từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách không quá 05 năm. Vấn đề dân sự không ai yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị hai và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết vấn đề gì về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo Trần Việt H khai nhận: Bị cáo là người làm nghề kinh doanh tự do, cuối năm 2018, bị cáo có lưu trú tại khách sạn Hoàng Thịnh tại địa chỉ số nhà: Số nhà L, đường N, tổ dân phố P, phường Q, thành phố K của ông Nguyễn Hoài N. Trong thời gian lưu trú tại đây, H tự giới thiệu tên và đưa ra thông tin gian dối về nhân thân, lai lịch là H công tác ở Cục An ninh kinh tế- Bộ Công an, có quen biết với ông Dương Quyết T4- Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội trung ương là bạn học của H. Ông N thấy H quan hệ quen biết rộng rãi với nhiều người nên đã nhiều lần nhờ H liên hệ để xin cho con gái của ông là cháu Nguyễn Thị Thu T *(Sinh năm: 1991)* được làm việc tại Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Kon Tum. H nhận lời và tiếp tục nói dối với ông N để H xin việc cho cháu T không phải tốn kém nhiều tiền bạc, chỉ quà cáp ơn nghĩa. Trong khoảng thời gian từ ngày 15/01/2019 đến ngày 15/02/2019, H đã yêu cầu ông N đưa tiền cho H, ông N tin và đã trực tiếp đưa tiền cho H 05 lần, tổng cộng là 190.000.000 đồng (*một trăm chín mươi triệu đồng*), H không xin được việc cho cháu T như đã hứa, không trả lại tiền cho ông N và chiếm đoạt số tiền này để tiêu dùng vào mục đích cá nhân.

[3] Khi thực hiện hành vi lừa đảo bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, mặc dù bị cáo không biết ông Dương Quyết T4- Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội trung ương, không phải là bạn học của H nhưng do nắm bắt tâm lý của người bị hại có nguyện vọng xin việc cho con nên bị cáo đã dùng lời nói lừa dối về mối quan hệ của bản thân để lừa người bị

hại, nhằm mục đích để người bị hại tin tưởng, giao tiền với mục đích chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân, không có khả năng trả lại tiền, trị giá tài sản chiếm đoạt là 190.000.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo ngại trong quần chúng nhân dân. Việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây lên để bị cáo cải tạo thành người công dân sống có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động người thân khắc phục toàn bộ hậu quả gây nên; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Bằng khen: "Đã góp công, góp sức vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước"; Người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo (Ghi trong đơn xin xét xử vắng mặt). Các tình tiết này quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo thành người công dân lương thiện.

Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này thì bị cáo không vi phạm pháp luật nào khác, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ (02 tình tiết) quy định tại khoản 1 và có nhiều tình tiết giảm nhẹ (02 tình tiết) quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên xét thấy việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là phù hợp, cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là đúng pháp luật cần chấp nhận.

* Đối với đối tượng có tên T2 mà bị cáo khai đã đưa tiền và hồ sơ xin việc cho T2, hiện tại đối tượng T2 đã chết do ung thư, không có thông tin chính xác về lý lịch nên không có cơ sở để xử lý là phù hợp.

[5] Vật chứng vụ án: Số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 190.000.000 đồng, người thân của bị cáo đã trả thay bị cáo, bị hại đã nhận lại đủ không đề cập đến nữa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị N1, không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã trả ông N thay cho bị cáo; ông N đã nhận đủ số tiền H lừa 190 triệu đồng và số tiền vay 870 triệu đồng, cùng tiền lãi, ông N không có yêu cầu giải quyết; bà L, chị T không có yêu cầu giải quyết vấn đề gì về dân sự. Không ai yêu cầu vấn đề gì về dân sự nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hình sự: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Việt H phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự .

- Áp dụng Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Trần Việt H 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (*Sáu mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án (21/12/2021)

Giao bị cáo cho UBND phường M, quận P, thành phố Hồ Chí minh nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Trần Việt H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (21/12/2021) bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND Tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra tỉnh Kon Tum;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Kon Tum;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hồng Dung